TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/DS–ST
Ngày: 31 – 3 – 2026
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thận
2. Ông Phạm Thành Đô

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Thuỷ – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 232/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2025, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2026/QĐXXST - DS ngày 24 tháng 2 năm 2026 giữa:

- *Nguyên đơn:* bà Trần Thị T, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Đồng Nai

- *Bị đơn:* ông Hoàng Phi L, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã B, tỉnh Đồng Nai

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đào Văn C, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 5 năm 2025, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Do mối quan hệ quen biết bà có cho ông Hoàng Phi L vay tổng số tiền là: 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng), ông L có ký tên trong giấy vay tiền ngày 29 tháng 4 năm 2024, hai bên có giấy viết tay, có ký xác nhận của ông L, thỏa thuận mỗi tháng ông L trả bà số tiền 30.000.000 đồng, trả vào ngày 15 hàng tháng, vào ngày 15/05/2024 ông Hoàng Phi L có trả cho bà số tiền là: 30.000.000đ (Ba mươi

triệu đồng), số tiền còn nợ 770.000.000 đồng thì từ đó đến nay ông L không trả bà số tiền nào, bà đòi nhiều lần nhưng ông L không trả tiền cho bà. Việc ông L vay tiền của bà, sau đó cố tình không trả là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi vay tiền, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà. Bà yêu cầu ông L trả bà số tiền 770.000.000 đồng và tiền lãi tính lãi suất chậm trả cho khoản vay trên như sau: Số tiền nợ gốc là 770.000.000đ x 1,5%/tháng x 11 tháng (tạm tính từ ngày 24/6/2024 đến ngày 24/4/2025) = 127.050.000đ. Tổng số tiền nợ gốc và lãi suất bà yêu cầu ông L phải trả cho bà là 897.050.000đ (T1 trăm chín mươi bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

- Tại bản tự khai ngày 18 tháng 11 năm 2025, bị đơn ông Hoàng Phi L trình bày: Vào ngày 29/4/2024, ông có vay bà Trần Thị T số tiền là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng chẵn), ông có ký giấy vay tiền, theo giấy vay tiền là không thoả thuận về lãi suất. Ông đã trả được cho bà T số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng chẵn), thời gian trả tiền ông không nhớ. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền 770.000.000 đồng (bảy trăm bảy mươi triệu đồng) tiền gốc, ông đồng ý trả số tiền trên, về tiền lãi, ông xin khất và trả từ từ. Về phương án trả nợ, ông xin trả mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), vì hiện tại do làm ăn thất bại, ông không đủ khả năng chi trả nhiều.

- Tại bản tự khai ngày 03 tháng 11 năm 2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Văn C trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên vào ngày 29 tháng 4 năm 2024, vợ chồng ông là Trần Thị T và Đào Văn C có cho ông Hoàng Phi L vay tổng số tiền là: 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng). Việc vay mượn có giấy viết tay, có ký xác nhận của ông L. Đến ngày 15/05/2024 ông L có trả được số tiền là: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Còn nợ lại 770.000.000 đồng. Cho đến nay ông L chưa trả cho vợ chồng ông thêm một đồng nào theo giấy cam kết vay tiền. Vợ chồng ông bà đã nhiều lần yêu cầu ông L trả tiền còn nợ nhưng ông L cố tình không trả. Nhận thấy việc ông L sau khi vay tiền của ông bà, sau đó cố tình không trả là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi hai bên thoả thuận vay mượn tiền, làm ảnh hưởng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông. Nay ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T, yêu cầu ông L phải trả cho vợ chồng ông số tiền nợ gốc 770.000.000 đồng kèm theo lãi suất chậm trả 1,5%/1 tháng tính từ ngày 24/6/2024 đến ngày khởi kiện tạm tính là 11 tháng là 770.000.000đ x 1,5%/tháng x 11 tháng = 127.050.000đ.

Tại phiên tòa:

-Nguyên đơn bà T trình bày: Hiện nay bà yêu cầu ông L phải trả vợ chồng bà (bà và ông Đào Văn C) số tiền nợ gốc 770.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định pháp luật. Bà chỉ yêu cầu ông L có nghĩa vụ trả vợ chồng ông bà số tiền này và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay 29/4/2024 đến nay.

-Bị đơn ông L, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông C vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai tại phiên tòa: Về tố tụng: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về

nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Hoàng Phi L phải có nghĩa vụ trả bà Trần Thị T và ông Đào Văn C số tiền gốc 770.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Bị đơn nộp án phí theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Thẩm quyền: Nguyên đơn bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Hoàng Phi L có nơi cư trú tại thôn C, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước (hiện nay là thôn H, xã B, tỉnh Đồng Nai) phải trả số tiền vay 770.000.000 đồng và tiền lãi. Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T yêu cầu bị đơn ông L phải trả số tiền vay gốc 770.000.000 đồng:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà T, bị đơn ông L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông C đều thống nhất vào ngày 29/4/2024 ông L có vay tiền bà T ông C số tiền 800.000.000 đồng, ông L đã trả 30.000.000 đồng, còn nợ lại 770.000.000 đồng đến nay chưa trả. Xét thấy, đây là các tình tiết được các đương sự thừa nhận, căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên là tình tiết không phải chứng minh.

Tại bản tự khai ngày 18/11/2025 (bút lục 19) bị đơn ông L trình bày bà T yêu cầu ông trả số tiền nợ gốc 770.000.000 đồng (bảy trăm bảy mươi triệu đồng), ông đồng ý trả số tiền này, về tiền lãi thì ông xin khất và trả từ từ. Về phương án trả nợ, ông xin trả mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), vì hiện tại do làm ăn thất bại, ông không đủ khả năng chi trả nhiều. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T không đồng ý cho ông L trả dần số tiền còn nợ, bà yêu cầu ông L trả bà một lần số tiền 770.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định pháp luật. Xét thấy, căn cứ hợp đồng vay mượn tiền ngày 29/4/2024, ông L hẹn trả bà T mỗi tháng số tiền 30.000.000 đồng, trả vào ngày 15 hàng tháng, ông L chỉ thực hiện trả bà T được số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 15/5/2024, số tiền còn nợ 770.000.000 đồng đến nay chưa trả vợ chồng bà T, bà T có đòi nhiều lần nhưng ông L không trả, ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay. Do đó bà T khởi kiện yêu cầu ông L phải có nghĩa vụ trả vợ chồng bà số tiền nợ gốc 770.000.000 đồng là có căn cứ cần chấp nhận, cần buộc bị đơn ông L có nghĩa vụ trả cho bà T và ông C số tiền nợ gốc 770.000.000 đồng (bảy trăm bảy mươi triệu đồng).

Xét yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn:

Căn cứ hợp đồng vay mượn tiền ngày 29/4/2024, khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất. Tại phiên tòa nguyên đơn bà T yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày vay 29/4/2024 đến nay.

Căn cứ khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định: "*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác".*

Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định:

"1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ."

Tiền lãi được tính như sau: 770.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 23 tháng = 146.993.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T. Buộc bị đơn ông L có nghĩa vụ trả bà T và ông C số tiền gốc và lãi là 916.993.000 (chín trăm mười sáu triệu, chín trăm chín mươi ba nghìn) đồng.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai là đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Đương sự nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T. Buộc bị đơn ông Hoàng Phi L phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T và ông Đào Văn C tổng số tiền 916.993.000 (chín trăm mười sáu triệu, chín trăm chín mươi ba nghìn) đồng.

2.Về án phí: Buộc bị đơn ông Hoàng Phi L phải nộp 39.509.790 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành án dân sự tỉnh Đ trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.455.750 đồng (Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005882, ngày 29/10/2025)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND kv 12– Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu HS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Hà